

SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG VÀ MẶT TRẬN VIỆT MINH ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG NỬA SAU THÁNG TÁM NĂM 1945 TRUNG LẬP HÓA QUÂN ĐỘI NHẬT, HÓA GIẢI ÂM MƯU CỦA THỰC DÂN PHÁP

GS, TS PHẠM HỒNG TUNG

Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận:

19-3-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

25-3-2025

Ngày duyệt đăng:

8-4-2025

Tóm tắt: Có một sự thật lịch sử mà bấy lâu nay, trong các nghiên cứu về cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dù được công bố ở Việt Nam hay ở nước ngoài, còn chưa nghiên cứu thấu đáo, tạo nên một “khoảng trống học thuật” để một số cá nhân, một vài thế lực lợi dụng, tuyên truyền làm sai lệch lịch sử, hòng gây ra những nhận thức không đúng về cuộc cách mạng. Bài viết tập trung phân tích đường lối chiến lược của Đảng sau ngày Nhật đảo chính Pháp, làm rõ sự sáng tạo vô song của Đảng và Mặt trận Việt Minh, trung lập hóa quân đội Nhật, hóa giải âm mưu của thực dân Pháp; nỗ lực ngăn cản, hóa giải mưu đồ tái lập chế độ thực dân của người Pháp; đoàn kết toàn dân tộc, kiên quyết bảo vệ nền độc lập và quyền sống trong tự do của dân tộc Việt Nam trong nửa sau tháng 8-1945.

Từ khóa:

Sáng tạo của Đảng, Mặt trận Việt Minh; đoàn kết toàn dân tộc; giành chính quyền; nửa sau tháng 8-1945

1. Đường lối chiến lược của Đảng sau ngày 9-3-1945: Từ lý luận đến thực tiễn

Đêm mùng 9-3-1945 đã diễn ra cuộc đảo chính quân sự của phát xít Nhật, nhanh chóng lật đổ quyền lực thực dân của người Pháp ở Đông Dương và Việt Nam. Nhật Bản trở thành thế lực ngoại xâm duy nhất còn giữ quyền thống trị trên đất nước Việt Nam. Ở Nam Kỳ, người Nhật duy trì chế độ trực trị tương tự như chế độ của thực dân Pháp trước ngày 9-3-1945, trong khi ở Trung

Kỳ và Bắc Kỳ họ cho phép Nam triều vẫn tiếp tục tồn tại từ trung ương tới địa phương. Hoàng đế Bảo Đại vẫn được quân Nhật cho phép yên vị và đưa ra một bản “Tuyên cáo” độc lập của Đế quốc Việt Nam vào ngày 11-3-1945. Sau đó tình báo Nhật đưa Trần Trọng Kim, một con bài do họ cất giấu ở Singapore rồi Bangkok từ cuối năm 1943, về nước giúp Bảo Đại thành lập một nội các để đảm đương các việc nội trị và hợp tác với quân đội Nhật.

Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình, ngay trong đêm mừng 9-3-1945 Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp hội nghị mở rộng, đánh giá, phân tích tình hình và ngày 12-3-1945 đã ban hành bản chỉ thị lịch sử “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”¹. Trong bản Chỉ thị này, Đảng đã nhận định rõ về kẻ thù của cách mạng Việt Nam: “a) Đế quốc Pháp mất quyền thống trị ở Đông Dương không phải là kẻ thù cụ thể trước mắt của ta nữa - mặc dầu ta vẫn phải đề phòng cuộc vận động của bọn Đờ Gôn định khôi phục quyền thống trị của Pháp ở Đông Dương; b) Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông Dương. c) Bọn Pháp kháng chiến đang đánh Nhật là đồng minh khách quan của nhân dân Đông Dương lúc này”². Do hàng ngũ kẻ thù đã thay đổi, cho nên Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định: “*Đem khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật!” thay cho khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật, Pháp!”... chống lại chính quyền Nhật và chính phủ bù nhìn của bọn Việt gian thân Nhật*”³. Đây là quyết định hoàn toàn chính xác, mở đường cho sự bùng phát một cao trào đấu tranh chống phát xít Nhật ở khắp cả nước, nhiều nơi đã diễn ra quá trình khởi nghĩa từng phần, đẩy nhanh việc chuẩn bị lực lượng cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến. Hơn nữa, quyết định này còn cho thấy rõ bản lĩnh của Đảng và Mặt trận Việt Minh trước sau vẫn “gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít”⁴, khác hẳn với các tổ chức và phong trào thân Nhật “mọc ra như nấm sau mưa” ở Việt Nam từ sau cuộc đảo chính.

Quyết sách chiến lược trên đây rất quan trọng, cho nên Trung ương Đảng, đặc biệt là Tổng Bí thư Trường Chinh đã chỉ đạo rất kiên quyết, yêu cầu các cấp ủy Đảng nghiêm túc chấp hành. Khi được tin ở Nam Kỳ, cả Xứ ủy Tiền phong và Xứ ủy Giải phóng đều vì những lý do riêng mà đưa ra các khẩu

hiệu hành động không phù hợp, trên báo *Cờ giải phóng*, Tổng Bí thư Trường Chinh đã phê bình rất nghiêm khắc. Đặc biệt là đối với việc tiếp tục giương khẩu hiệu chống Pháp sau ngày 9-3-1945, Tổng Bí thư Trường Chinh phân tích: “*Vì sau cuộc đảo chính, quyền thống trị của Pháp tan rã, bộ máy cai trị của Pháp ở Đông Dương đã bị Nhật chiếm hẳn, bọn Pháp ở Đông Dương, kể cả phát xít và Đờ Gôn, đều bị Nhật dận lên lưng. Như thế mà ta còn hô hào đánh đổ Pháp thì có khác gì đánh vuốt đuôi một kẻ đã ngã, có khác gì chém dao xuống nước hay đẩy một cái cửa bỏ ngõ?*”⁵.

Tinh thần trên vẫn tiếp tục được Trung ương Đảng kiên quyết chỉ đạo, cho tới đêm 13-8-1945, khi nghe tin Nhật Hoàng đã chấp nhận các điều kiện đầu hàng Đồng minh. Bản “*Quân lệnh số 1*” do Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc đã phát đi với mệnh lệnh rất nghiêm khắc về các biện pháp đối với quân Nhật: “*Hỡi các tướng sĩ và đội viên Quân giải phóng Việt Nam! Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kịp đánh vào các đô thị và trong trận của quân địch; đánh chẹn các đường rút lui của chúng, tước vũ khí của chúng!*”⁶. Trong văn bản này tuyệt nhiên thực dân Pháp không được nhắc đến.

Tuy nhiên, trong quá trình giành chính quyền diễn ra ngay sau đó, từ ngày 13 đến ngày 30-8-1945, nhất là ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn, khẩu hiệu chống Nhật không được giương cao, trong khi đó, ở khắp mọi nơi, trên các biểu ngữ ở đường phố hay trong lời kêu gọi khởi nghĩa của Mặt trận Việt Minh khẩu hiệu chống Pháp, đặc biệt là chống lại âm mưu tái chiếm thuộc địa của Chính phủ Pháp do Charles de Gaulle đứng đầu, luôn luôn được giương cao nhất. Cùng với các khẩu hiệu khác như “*Việt Nam độc lập!*”, “*Việt Nam thống nhất!*”, “*Độc lập hay là chết!*”, khẩu hiệu “*Đả đảo bọn Pháp muốn khôi phục chủ quyền ở Đông Dương!*”... đã trở thành ngọn cờ hiệu triệu và quy tụ sức mạnh đoàn kết

tranh đấu, giành chính quyền của quảng đại quần chúng nhân dân⁷.

Rõ ràng là những sự thay đổi khẩu hiệu hành động như vậy của Mặt trận Việt Minh trong quá trình giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám là khác với chiến lược của Trung ương Đảng được xác lập và triển khai từ sau ngày 9-3-1945, và lại càng khác xa với bản “Quân lệnh số 1”. Điều này cần được lý giải và nhận thức như thế nào?

Trước hết là đối với quân đội Nhật Bản, qua khảo sát kỹ quá trình giành chính quyền ở các địa phương, có thể thấy chỉ có ở một số nơi, như Thái Nguyên, Thái Bình, Quảng Ngãi,... là có việc lực lượng cách mạng chủ động tấn công quân Nhật. Trong đó, trận tấn công quân Nhật đồn trú ở Thái Nguyên là trận đánh được Mặt trận Việt Minh tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất, có sự hỗ trợ của “Đội Con nai” của OSS (Mỹ) nhưng cũng không giành được thắng lợi. Ở các nơi khác, những đòn tấn công vũ trang cũng không gây được cho đội quân Nhật Bản thiệt hại gì đáng kể để mở đường cho việc giành chính quyền thành công.

Thực tế là ở nhiều nơi, nhất là ở Hà Nội, Sài Gòn thì vấn đề khó khăn nhất của cơ sở Đảng và Mặt trận Việt Minh trong khi cân nhắc để đưa ra quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền là làm thế nào để *hóa giải được vấn đề quân Nhật*. Tuy Nhật Hoàng đã đầu hàng, nhưng đội quân Nhật ở Việt Nam là đội quân chính quy tinh nhuệ, chưa từng thua trận nào, đông tới trên 96.000 người, được trang bị tốt. Trong khi đó, lực lượng vũ trang cách mạng khi đó ước chừng chỉ vào khoảng 5.000 đến 7.000 người, phần lớn được trang bị thô sơ và chưa được huấn luyện kỹ càng. Rõ ràng, đây là một sự chênh lệch rất đáng kể. Nếu thực hiện đúng như “Quân lệnh số 1” thì khả năng chắc thắng không cao. Cuộc chiến đấu nếu kéo dài thì thời cơ “ngàn năm có một” để giành chính quyền sẽ trôi qua.

Trong tình thế đó, các cán bộ lãnh đạo xứ ủy, tỉnh ủy và Việt Minh ở các địa phương đã quyết định tiến hành một cuộc đấu tranh ngoại giao rất dũng cảm, tài tình và trung lập hóa thành công quân đội Nhật, góp phần rất quan trọng vào thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám. Ở Hà Nội, sau khi đã tiến hành một số hoạt động thám sát, đánh giá thái độ của quân Nhật và khả năng thương lượng với họ, tối ngày 17-8, Ủy ban Quân sự cách mạng Hà Nội đã họp và quyết định “Đối với Nhật, ta chủ trương cần tiếp tục giữ chúng trong thái độ nằm im như buổi chiều ngày 17-8; vì vậy không đặt ra vấn đề tước vũ khí quân Nhật, cũng không đánh chiếm những nơi có quân Nhật chiếm đóng, như Phủ Toàn quyền, Bộ Tổng tham mưu, trại Đồn Thủy, thành Cửa Bắc, Ngân hàng Đông Dương, Việt Nam học xá... Tuy nhiên, cũng dự kiến khả năng xấu: Nếu quân Nhật gây ra xung đột vũ trang thì ta kiên quyết đánh, tranh thủ đoạt lấy vũ khí của địch càng nhiều càng tốt, rồi rút ra ngoại thành, tiến hành chiến tranh du kích, củng cố và phát triển lực lượng, chờ quân Giải phóng về cùng phối hợp tiến công chiếm lại thành phố”⁸. Quả nhiên, ngày 19-8, khi các đoàn biểu tình chính trị của quần chúng do cán bộ Đảng và Việt Minh lãnh đạo tỏa đi giành chính quyền ở các nơi, quân đội Nhật đã giữ thái độ trung lập; chỉ đến khi giành quyền kiểm soát Trại Bảo an binh thì quân Nhật cho xe tăng ra ngăn cản, định can thiệp. Lúc này Ủy ban Quân sự cách mạng Hà Nội đã chỉ đạo, một mặt, cố gắng ngăn cản sự can thiệp của quân Nhật, mặt khác, cử ngay một đoàn cán bộ đến gặp và thương lượng với chỉ huy quân đội Nhật. Kết quả là quân Nhật đã nhượng bộ, rút xe tăng về. Cuộc Tổng khởi nghĩa thành công khá trọn vẹn ở Hà Nội⁹.

Ở Sài Gòn, sau khi cử người trực tiếp gặp và thương lượng với Thống chế Hisaichi Terauchi, Tổng tư lệnh quân Nhật ở Đông Nam Á đang đóng đại bản doanh trong thành phố, Xứ ủy (Tiền Phong)

đã quyết định tiến hành khởi nghĩa ở Tân An (23-8) với mục đích thăm dò, nếu quân Nhật chắc chắn không can thiệp thì quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công vào ngày 25-8-1945¹⁰.

Thực chất, đấu tranh ngoại giao, cùng với đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang luôn là một trong những phương thức đấu tranh cơ bản được cha ông ta sử dụng rất hiệu quả trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Truyền thống này tiếp tục được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng phát huy cao độ trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao có đặc thù riêng và không bao giờ tách khỏi đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang thì mới giành được thắng lợi. Trong bối cảnh lịch sử cụ thể của tháng 8-1945, sở dĩ quân đội Nhật có thể chấp nhận thương lượng với Việt Minh và chịu nhượng bộ chính là vì chỉ có Việt Minh mới có thực lực đủ mạnh để thương lượng với họ. Đây là điều mà ngay cả các lực lượng thân Nhật lớn nhất lúc đó như Phục Quốc hay Mặt trận quốc gia thống nhất, bao gồm cả Cao Đài và Hòa Hảo cũng không làm được. Để tạo điều kiện mở ra mặt trận đấu tranh ngoại giao với quân đội Nhật thì trong quá trình giành chính quyền, khẩu hiệu chống Nhật hầu như đã được rút bỏ hoàn toàn. Chỉ còn lại chủ yếu là khẩu hiệu chống chính phủ bù nhìn tay sai của Nhật và chống thực dân Pháp. Đây là một sự điều chỉnh chiến thuật tranh đấu rất táo bạo, kịp thời, đầy tính sáng tạo và hiệu quả của Đảng và Mặt trận Việt Minh trong nửa sau tháng 8-1945.

2. Những nỗ lực ngăn cản cách mạng và âm mưu tái lập chế độ thực dân của người Pháp trong nửa sau tháng 8-1945

Cuộc đảo chính quân sự của Nhật (9-3-1945) đã nhấn chìm quyền lực thực dân mà người Pháp đã thiết lập được ở Việt Nam và duy trì suốt hơn sáu thập kỷ. Cuộc sống và tính mạng của khoảng 40.000

người Pháp ở Đông Dương bị đe dọa, hàng nghìn quan chức, sĩ quan, binh lính thuộc bộ máy thống trị thuộc địa bị tổng giam và buộc phải sống trong cảnh tù đầy thời chiến cực kỳ khắc nghiệt, hằng ngày họ còn bị quân Nhật hành hạ, đánh đập, ngược đãi. Danh dự, lợi ích và uy thế của người Pháp ở Đông Dương hoàn toàn đổ sụp¹¹. Đó là lý do khiến cho Tướng Charles de Gaulle ra sức tìm kiếm sự ủng hộ của thực dân Anh và của Tổng thống Mỹ Harry S. Truman để sớm đưa được quân đội viễn chinh Pháp đến Đông Dương. Tuy nhiên, mọi nỗ lực của De Gaulle và Chính phủ Pháp cho đến giữa tháng 8-1945 đều chưa đạt được kết quả gì đáng kể.

Ngay khi Nhật Hoàng buộc phải tuyên bố đầu hàng Đồng minh, lực lượng của Pháp ở Viễn Đông vẫn hoàn toàn chưa có danh nghĩa chính thức tham dự vào bất kỳ công việc gì ở Đông Dương. Theo quyết định của Hội nghị Potsdam thì việc tiến vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật được Đồng minh giao cho quân đội Trung Hoa Dân quốc (Bắc Vĩ tuyến 16) và cho quân Anh (Nam Vĩ tuyến 16), hoàn toàn không có chỗ đứng cho Tướng Charles de Gaulle và lực lượng của ông ta. Tuy nhiên, De Gaulle vẫn ra lệnh cho tất cả các lực lượng Pháp ở Viễn Đông phải tìm mọi cách quay trở lại Đông Dương sớm nhất, bằng mọi phương tiện phải duy trì được “sự hiện diện” của nước Pháp ở Đông Dương và Việt Nam. Ông ta và Chính phủ Pháp hoàn toàn biết rõ dân tộc Việt Nam trong suốt hơn 80 năm qua, từ năm 1858 đến năm 1945, chưa bao giờ ngừng nghỉ tranh đấu, tìm kiếm mọi cơ hội dù nhỏ nhất, sẵn sàng hy sinh, đổ máu để lật nhào chế độ thống trị của người Pháp và khôi phục nền độc lập dân tộc. Qua tin tức tình báo, De Gaulle cũng biết rõ rằng một cuộc vùng lên mãnh liệt của toàn dân tộc Việt Nam đã được chuẩn bị ráo riết trong suốt thời kỳ Chiến tranh thế giới II, và nhất là từ sau cuộc đảo chính Nhật - Pháp thì toàn thể dân chúng đang hùng hực khí thế trong “con sóng độc lập”.

Lực lượng của Pháp, ngoài đội quân viễn chinh do Tướng Philippe Leclerc và Thierry D'Argenlieu chỉ huy còn đang lênh đênh trên đại dương thì đáng kể nhất là đội quân lưu vong do Tướng Marcel Alessandri và Tướng Gabriel Sabattier chỉ huy, với khoảng 6.000 người. Tuy nhiên, từ sau khi trốn thoát sang Trung Quốc, đội quân này bị chính quyền Trung Hoa Dân quốc tước vũ khí và không cho phép tự do di chuyển. Sau khi Nhật đầu hàng, mặc cho mọi cố gắng can thiệp của Chính phủ Pháp, đội quân này vẫn không được phép quay trở lại Đông Dương. Tương tự, lực lượng vũ trang nhỏ hơn của Pháp, gồm khoảng 750 người, do tướng Roger Blaizot chỉ huy đóng ở Ceylon cũng không tìm được phương tiện (máy bay hay tàu thủy) để cơ động sang Việt Nam¹².

Trong tình hình bí bách đó, Charles de Gaulle và các viên tư lệnh Pháp đã quyết định lựa chọn một phương án rất mạo hiểm: *cho các nhóm đặc vụ nhảy dù xuống Việt Nam, Lào và Campuchia*. Được sự hỗ trợ của Đô đốc Louis Mountbatten, tổng tư lệnh quân Anh ở Đông Nam Á (đóng đại bản doanh ở Ấn Độ), lực lượng đặc vụ Pháp DGER (Direction générale des études et recherches) được phép sử dụng một máy bay B-24 của Không lực hoàng gia Anh (Royal Air Force Special Duty) chở các nhóm đặc vụ đến Đông Dương. Nhóm đặc vụ Pháp thứ nhất gồm ba người, do Pierre Messmer chỉ huy nhảy dù xuống gần sân bay Gia Lâm (Hà Nội) vào tối ngày 22-8-1945, mang theo chứng thư là “Khâm sứ Cộng hòa Pháp tại Bắc Kỳ” cùng điện đài và vũ khí. Sau khi tiếp đất, nhóm này còn kịp liên lạc điện đài về căn cứ ở Rangoon (Myanmar), trước khi bị một đội du kích Việt Minh do một người phụ nữ chỉ huy bắt sống và áp giải đến nơi giam giữ. Một người bị chết vì bệnh, Pierre Messmer và người còn lại sau đó hai tháng được quân đội Trung Hoa Dân quốc giải cứu¹³. Nhóm đặc vụ thứ hai do Jean Cédile chỉ huy, gồm 4 người nhảy dù xuống

Tây Ninh vào đêm ngày 22-8-1945, cũng mang theo chứng thư là “Khâm sứ Cộng hòa Pháp tại Nam Kỳ”. Họ bị đội quân của giáo phái Cao Đài bao vây bắt sống, sau đó giao nộp cho quân Nhật. Ngay lập tức họ bị quân Nhật bắt lột hết quần áo, quỳ xuống đất. Viên sĩ quan Nhật tuốt kiếm ra kẻ cổ họ, làm động tác như sắp sửa hành quyết khiến cho họ vô cùng sợ hãi. Sau khi bị hù dọa, nhóm đặc vụ Pháp bị tống lên xe tải, vẫn trong trạng thái lơ đãng, chở dạo quanh các làng mạc để cho dân chúng la ó, rồi bị đưa đi giam giữ ở Sài Gòn¹⁴. Vào ngày 28-8-1945, nhóm đặc vụ Pháp thứ ba gồm 6 người nhảy dù xuống gần ga tàu hỏa Hiền Sĩ (huyện Phong Điền), cách kinh thành Huế khoảng hơn 20 km về phía Tây Bắc. Lúc đầu họ tưởng như không gặp trở ngại gì, liền gặp dân chúng, vừa tìm đường, vừa hỏi cách liên lạc với Phạm Quỳnh. Tin tức được cấp báo cho Ủy ban nhân dân cách mạng Thừa Thiên - Huế. Một đội vũ trang do các cựu học viên Trường Thanh niên tiên tuyến chỉ huy lập tức cử đi vây bắt nhóm đặc vụ Pháp. Bốn trong số sáu đặc vụ bị giết chết khi tìm cách chống cự. Hai người khác bị tống giam cho tới tháng 7-1946 thì được giao trả cho phía Pháp¹⁵. Cũng trong khoảng thời gian này có một chiếc tàu chiến của thực dân Pháp tìm cách tiếp cận bờ biển Thuận An. Ngay lập tức Ủy ban nhân dân cách mạng Thừa Thiên - Huế đã phân công các chiến sĩ tự vệ tổ chức dụ lên bờ chặn bắt được một nhóm, nhóm còn lại đành rút lui¹⁶.

Cả ba nhóm đặc vụ Pháp nhảy dù xuống ba miền trên lãnh thổ Việt Nam và một nhóm thâm nhập bằng đường biển đều bị bắt giữ¹⁷. Sứ mệnh quay lại Đông Dương để khẳng định “sự hiện diện” của nước Pháp và quyền lực thực dân được trút tất cả lên vai Thiếu tá Jean Sainteny, một nhân viên tình báo giàu kinh nghiệm của cơ quan tình báo quân sự Pháp MI-5 ở Côn Minh (Trung Quốc). Ngay từ ngày 12-8-1945, khi nhận được tin Nhật sắp chấp nhận đầu hàng, Sainteny đã tìm

gặp Thiếu tá Archimedes Patti, sỹ quan chỉ huy của cơ quan tình báo Mỹ OSS (Office of Strategic Service) đề nghị được đi cùng chuyến máy bay đến Hà Nội trong thời gian sớm nhất. Patti đồng ý cho nhóm của Sainteny đi cùng, nhưng “vì lý do thời tiết” mà máy bay không thể cất cánh¹⁸. Đợi đến ngày 15-8, Jean Sainteny mất hết kiên nhẫn tìm gặp Tướng Mỹ Wedemeyer và cả tướng Trung Hoa Hồ Thanh Chân (Ho Ching-chin) nhưng cũng không thể can thiệp cho máy bay cất cánh¹⁹.

Đến ngày 22-8-1945, nhóm 5 người của Jean Sainteny mới được đi cùng với nhóm 13 người của OSS do Archimedes Patti đứng đầu bay đến Hà Nội, tiếp đất an toàn ở sân bay Gia Lâm. Điều đầu tiên Sainteny và nhóm người Pháp nhận ra là thành phố Hà Nội đã đổi khác hoàn toàn: dân chúng ai cũng sục sôi khí thế, và đường phố rực rỡ những lá “cờ lạ” màu đỏ, sao vàng cùng quốc kỳ của các nước Đồng minh, nhưng không có một bóng cờ Pháp nào. Sainteny vội điện báo về Paris (qua Calcutta, Ấn Độ), rằng: “Tình hình chính trị ở Hà Nội tệ hơn những gì chúng ta lường tính”, “Cả thành phố ngập tràn bóng cờ của “*Masque*” (tên lóng họ dùng để gọi Việt Minh)”²⁰.

Nhóm người Pháp của Sainteny lúc đầu được bố trí ở cùng nhóm người Mỹ của Patti trong khách sạn Métropole, có binh lính Nhật làm nhiệm vụ “giữ gìn trật tự”. Ngay khi nghe tin phái đoàn vừa đến, kiều dân Pháp ở Hà Nội đã kéo đến trước khách sạn, tập trung hàng trăm người. Vừa chào đón Jean Sainteny, vừa tố cáo việc họ bị

quân Nhật giết hại và bị người Việt Nam “bản xứ” ngược đãi. Ngay lập tức một đoàn biểu tình của hàng nghìn người Việt Nam cũng kéo đến. Họ hô vang các khẩu hiệu chống đế quốc, “*Việt Nam độc lập muôn năm!*” và phản đối sự quay lại của thực dân Pháp bằng khẩu hiệu “*Đả đảo chế độ thực dân Pháp!*”. Đồng thời, một đại diện của Ủy ban nhân dân cách mạng Hà Nội được cử đến gặp Patti. Sau khi chào hỏi lịch sử, vị đại biểu đã nghiêm khắc chất vấn Patti về sự hiện diện của nhóm người

Căn cứ vào sự biến chuyển mau lẹ của tình hình thực tiễn, Đảng và Mặt trận Việt Minh chủ động tạm gác khẩu hiệu chống Nhật, mở đường cho việc đấu tranh ngoại giao thắng lợi, cô lập và trung lập hóa lực lượng quân Nhật để tạo điều kiện cho việc giành chính quyền. Đồng thời, ở nhiều địa phương, Đảng và Mặt trận Việt Minh đã kịp thời giương cao khẩu hiệu chống thực dân Pháp, kêu gọi nhân dân đứng lên giành quyền làm chủ.

Pháp trong “phái đoàn” của Đồng minh. Patti đã phải giải thích rằng nhóm người Pháp đến Hà Nội chỉ “làm công tác nhân đạo” và đảm bảo rằng “không làm gì để chuẩn bị cho quân đội Pháp tới”²¹. Lo ngại rằng hai đám đông sẽ sớm đụng độ nhau, quân Nhật đã chấp thuận yêu cầu của Jean Sainteny cho chuyển nhóm người Pháp đến ở trong tòa nhà vốn là Phủ Toàn quyền Đông Dương trước kia. Sainteny coi đó như một thắng lợi lớn, đánh dấu việc ông ta giành giật lại được danh dự và chủ quyền của nước Pháp ở

Đông Dương. Nhưng chẳng bao lâu sau đó ông ta đã nhận ra đó là một sai lầm lớn của mình. Ở trong tòa lâu đài đó, Jean Sainteny và nhóm người Pháp hoàn toàn bị quân Nhật (với lý do canh gác tòa nhà) cách ly khỏi số kiều dân Pháp và không thể liên lạc gì được với số người “bản xứ” thân Pháp. Chính Sainteny đã cay đắng gọi tòa lâu đài này là “cái lồng vàng”. Và hơn nữa, việc Sainteny và nhóm người được cho là đại diện của “nước Pháp mới” của De Gaulle dọn vào ở trong tòa Phủ Toàn

quyền lại càng làm cho nhân dân Việt Nam thêm sôi sục căm hờn người Pháp, vì họ thấy rõ ý đồ tái chiếm thuộc địa và khôi phục ách nô dịch thực dân của De Gaulle và “nước pháp mới”²².

Trong khi đó, phái đoàn người Mỹ do Archimedes Patti đứng đầu ở bên ngoài lại luôn nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt của dân chúng. Ngày 26-8-1945, Việt Minh đã tổ chức một lễ duyệt binh nho nhỏ ngay trước khách sạn, nơi phái đoàn Mỹ cư trú. Thay mặt cho Việt Minh, ông Võ Nguyên Giáp mời Patti và phái đoàn Mỹ cùng chủ trì buổi lễ. Các khối quần chúng vũ trang và bán vũ trang diễu hành qua “lễ đài” rất nghiêm trang, lần lượt rước quốc kỳ các nước Đồng minh: Mỹ, Liên Xô, Anh, Trung Hoa Dân quốc và cờ đỏ sao vàng (không có cờ Pháp), cùng hô vang các khẩu hiệu “Hoa nghênh Đồng minh!”, “Việt Nam độc lập!”. Dân nhạc cũng cử hành Tiến quân ca cùng quốc thiều các nước, trừ quốc ca Pháp. Khi chia tay, ông Võ Nguyên Giáp nói với Archimedes Patti: “Đây là lần đầu tiên lá quốc kỳ Việt Nam và quốc ca Việt Nam được xuất hiện và cử hành trước các vị khách quốc tế”²³. Patti còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp kiến nhiều lần, được trao đổi nhờ ông góp ý cho dự thảo *Tuyên ngôn Độc lập*. Tin tức về những hoạt động của Archimedes Patti và nhóm người Mỹ càng làm cho Jean Sainteny và nhóm người Pháp tức giận. Ông ta gửi mật điện (qua Calcutta) về Paris báo cáo với Chính phủ Pháp, rằng “đôi với chủ quyền của chúng ta, những gì người Mỹ đang làm còn nguy hiểm hơn cả *Masque*” và yêu cầu Chính phủ Pháp tìm cách gửi thêm quân hoặc can thiệp ngay để điều chỉnh thái độ của nhóm người Mỹ của Patti.

Jean Sainteny lại không biết rằng hệ thống điện báo mà ông ta sử dụng đã bị quân Nhật bẻ khóa từ lâu. Quân Nhật đem những bức điện đó đưa cho Patti xem. Thế nên quan hệ giữa hai nhóm người Mỹ, Pháp và giữa cá nhân Sainteny và Patti càng

ngày càng căng thẳng²⁴. Tuy vậy, bên ngoài Sainteny vẫn tỏ ra hữu hảo với Patti. Trưa ngày 28-8-1945, Jean Sainteny mời Archimedes Patti đến “cái lồng vàng” ăn trưa. Đang ăn thì có tin báo: Ngoài con phố trước tòa nhà xuất hiện ba người phụ nữ Pháp. Một người mặc váy áo màu trắng, một người mặc váy áo màu xanh và một người mặc váy áo màu đỏ. Họ xếp hàng ba đi chậm chậm qua tòa nhà, tạo nên hình ảnh một là quốc kỳ Pháp di động. Chứng kiến cảnh tượng trên, Jean Sainteny đã rơi nước mắt. Đáp lại sự xúc động nghẹn ngào của Sainteny, Patti lại lạnh lùng mỉa mai: “Từ hôm đến đây, đó là lá cờ Pháp đầu tiên tôi nhìn thấy ở Hà Nội”. Sainteny trả lời đanh thép: “Vâng, và tôi thề với ông rằng đó không phải là lá cờ Pháp cuối cùng!”²⁵.

Những câu chuyện lịch sử có phần “ly kỳ” và giàu cảm xúc trên đây chính là những minh chứng rõ ràng và sinh động cho dã tâm và ý chí quay lại tái chiếm thuộc địa của người Pháp và khôi phục ách thống trị thực dân ở Việt Nam. Đây chính là điều mà toàn thể dân tộc Việt Nam sớm nhận rõ và ngay lập tức có những cách thức phản ứng để bày tỏ ý chí kiên quyết bảo vệ nền độc lập và quyền sống trong tự do của dân tộc Việt Nam và hóa giải những mưu đồ của thực dân Pháp.

3. Thái độ và phản ứng của Bảo Đại và một số lực lượng đối với dã tâm tái chiếm thuộc địa của người Pháp - sự quy tụ sức mạnh dân tộc dưới ngọn cờ của Việt Minh

Một bất ngờ lịch sử là phản ứng của Hoàng đế Bảo Đại đối với dã tâm của De Gaulle và thực dân Pháp. Trong bức thư ngày 18-8-1945 gửi cho Tướng De Gaulle và quốc dân Pháp, ông viết: “Quả nhân muốn các ngài hiểu rằng: cách độc nhưt vô nhị để giữ lại quyền lợi người Pháp và ảnh hưởng tinh thần của nước Pháp ở xứ này là các ngài cứ đường đường chánh chánh công nhận sự độc lập của nước Việt Nam và đừng nghĩ gì tới

sự tranh đoạt lại nền cai trị của Pháp bất cứ bằng cách nào”. Hoàng đế còn nói thẳng với Tướng De Gaulle rằng: “Nếu các ngài thấy rõ hiện tình xứ này và biết sức mạnh của bầu nhiệt huyết đã tràn trề trong tâm can dân tộc Việt Nam không nhân lực nào đè nén nổi, thì các ngài lại càng phải hiểu rõ ràng hơn nữa. Và lại, nếu vạn nhất mà các ngài có lấy lại được quyền cai trị xứ này thì quyền đó cũng không ai từng phục nữa. Mỗi một làng sẽ trở nên một sào huyệt phản kháng, mỗi một người cộng tác cũ sẽ trở nên một kẻ cừ địch và bọn quan lại và thực dân của các ngài cũng phải tự xin lui, không thể nào ở được trong bầu không khí chết ngạt ấy”²⁶. Cùng ngày, trong bức Quốc thư gửi Tổng thống Mỹ, Hoàng đế Bảo Đại cũng đề nghị Tổng thống Mỹ chuyển tới Chính phủ Pháp và chính phủ các nước Đồng minh ý chí độc lập của nhân dân Việt Nam và khuyên nước Pháp nên từ bỏ ý đồ tái lập chế độ thuộc địa, “cúi đầu theo lệ công bằng” mà thừa nhận nền độc lập của Việt Nam “để tránh khỏi cái vạ chiến tranh có thể xảy ra trên đất chúng tôi”. Ông viết rõ: “Riêng về phân dân tộc Việt Nam, chúng tôi không coi kiều dân Pháp là kẻ thù, lại trọng nhân mạng và tài sản của họ, nhưng chúng tôi sẽ cực lực phản kháng việc nước Pháp lập lại nền thống trị của họ trên đất Việt Nam bất cứ theo một chế độ nào. Chánh sách thực dân nay không hợp thời nữa”²⁷.

Còn các lực lượng thân Nhật, điển hình là Mặt trận Quốc gia thống nhất do Hồ Văn Ngà đứng đầu, thì liên tục hô hào trong tất cả các cuộc mít tinh quần chúng do họ tổ chức: “Việt Nam độc lập!”, “Đả đảo đế quốc Pháp!”, “Quét sạch bọn tay sai chế độ thực dân!”, “Chống nạn thực dân trở lại”²⁸. Đáng chú ý, trong lời hiệu triệu đưa ra ngày 20-8-1945, Mặt trận Quốc gia thống nhất đã căn dặn nhân dân: “Đừng quên lúc nào cũng không nên xâm phạm đến kiều dân Pháp nếu họ không chống lại với cuộc giải phóng của Việt Nam”. Đồng thời Mặt trận

cũng yêu cầu dân chúng: “Đề ý đến sự đứng ngồi của người Pháp, đừng cho họ rục rịch ngày đêm”, “tố cáo hành động khả nghi của họ”²⁹.

Có thể thấy, không chỉ Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận Việt Minh và quần chúng cách mạng mà tuyệt đại đa số nhân dân Việt Nam, kể cả Hoàng đế Bảo Đại và thủ lĩnh các phong trào thân Nhật cũng đã sớm nhận ra dã tâm quay lại tái chiếm thuộc địa, tái lập chế độ thực dân của người Pháp. Những nỗ lực của Chính phủ De Gaulle, những hành vi chuẩn bị tái chiếm thuộc địa của họ như cho nhóm của Jean Sainteny đến Hà Nội và cho đặc vụ nhảy dù xuống Hà Nội, Huế, Sài Gòn càng như đổ thêm dầu vào lửa. Và cũng cần phải nhắc đến những động thái của hàng ngũ kiều dân Pháp ở Hà Nội và Sài Gòn càng khiến cho tình hình thêm căng thẳng.

Tình hình trên đây đã phần nào được Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945) ở Tân Trào lường trước và đã có chỉ dẫn “... phải tránh cái trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh... tràn vào nước ta và đặt chính phủ của Pháp De Gaulle hay một chính phủ bù nhìn khác trái với ý nguyện dân tộc. Bởi vậy cần tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và Mỹ chống lại mưu mô của Pháp định khôi phục địa vị cũ ở Đông Dương và mưu mô của một số quân phiệt Tàu định chiếm nước ta”³⁰.

Tuân theo những chỉ dẫn đó của Trung ương Đảng, nhất là căn cứ vào sự biến chuyển mau lẹ của tình hình thực tiễn, cán bộ Đảng và Việt Minh ở nhiều địa phương trong quá trình chỉ đạo khởi nghĩa giành chính quyền đã chủ động tạm gác khẩu hiệu chống Nhật, mở đường cho việc đấu tranh ngoại giao thắng lợi, cô lập và trung lập hóa lực lượng quân Nhật để tạo điều kiện cho việc giành chính quyền thành công. Đồng thời, ở nhiều địa phương, Đảng và Mặt trận Việt Minh đã kịp thời giương cao khẩu hiệu chống thực dân Pháp, kêu gọi nhân dân đứng lên giành quyền làm chủ, sẵn sàng đấu tranh

chống thực dân Pháp khi chúng quay trở lại. Lời hiệu triệu của Việt Minh thành Hoàng Diệu (Hà Nội) tại cuộc mít tinh ngày 19-8-1945 là một minh chứng điển hình: “Trong lúc quân đội Nhật, theo lệnh của Nhật hoàng, đã bãi chiến khắp các mặt trận, và bọn đế quốc Pháp nuôi cuồng vọng khôi phục chủ quyền ở Đông Dương đang ngóc đầu lăm le hoạt động, chúng ta cần phải có một thái độ thật rõ rệt, thật đường hoàng, thật cương quyết! Đối với quân Nhật, chúng ta sẽ rất ôn hòa tránh tất cả những sự xô xát vô ích, bất lợi cho cả đôi bên, đồng thời chúng ta có thể dùng ngoại giao làm cho Nhật hiểu rõ tình thế, tán thành cách mạng Việt Nam và trao khí giới cho ta. Đối với bọn Pháp có dã tâm khôi phục chủ quyền ở Đông Dương, chúng ta phải cương quyết đối phó, và nếu cần phải quyết chiến, chống những cuộc xâm lăng của chúng cũng như của tất cả các đế quốc khác”³¹.

Có thể thấy “Lời hiệu triệu” trên đây của Mặt trận Việt Minh ở Hà Nội rất khác so với bản “Quân lệnh số 1” của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc phát đi từ Tân Trào ngày 13-8-1945, nhưng lại hoàn phù hợp với yêu cầu khách quan, bức thiết của sự nghiệp cách mạng lúc đó và rất phù hợp với ý chí, sự mong mỏi của quảng đại quần chúng. Đó chính là sự sáng tạo vô song, thể hiện bản lĩnh của lãnh đạo Đảng và Việt Minh các cấp dựa chắc trên những nguyên tắc cao nhất đã được xác lập tại HNTU tháng 5-1941 của Đảng. Đây cũng chính là một điểm then chốt khiến cho trong thời khắc quyết liệt nhất ngọn cờ của Đảng và Mặt trận Việt Minh đã quy tụ được khối đại đoàn kết dân tộc đứng lên giành chính quyền nhanh gọn, ít đổ máu trên phạm vi cả nước. Ngày ngày 17-8-1945, Bảo Đại ban đạo Dụ số 105 tuyên bố sẵn sàng giao chính quyền cho Việt Minh và mời đại diện của Việt Minh về Huế lập nội các mới. Ngày 23-8, Bảo Đại tuyên bố sẵn sàng thoái vị và ngày 30-8-1945, tại Ngọ Môn, Hoàng đế Bảo Đại đã chính thức tuyên “Chiếu thoái vị”.

Còn về phía các lực lượng thân Nhật, ở Hà Nội và các tỉnh thuộc Bắc Bộ, hầu như không còn có thể tổ chức được hoạt động nào đáng kể sau khi Nhật Hoàng đầu hàng. Quân Nhật bị trung lập hóa, quần chúng nhân dân tuyệt đại đa số đã đứng dưới cờ đỏ sao vàng theo sự lãnh đạo của Việt Minh giành chính quyền. Ở Sài Gòn, ngày 23-8-1945 Mặt trận Quốc gia thống nhất ra tuyên bố: “Sau một cuộc thương thuyết giữa Mặt trận Quốc gia thống nhất với Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh), hai bên đã thỏa thuận hợp tác cùng nhau. Ba khẩu hiệu như sau này: 1) Việt Nam hoàn toàn độc lập; 2) Dưới chính thể dân chủ cộng hòa; 3) Chính quyền về Việt Minh đã được đại biểu của Mặt trận Quốc gia thống nhất nhìn nhận và Mặt trận Quốc gia thống nhất tuyên bố sáp nhập vào Việt Nam Độc lập Đồng Minh. Những tổ chức của Mặt trận Quốc gia thống nhất sẽ tham gia cuộc biểu tình ngày thứ bảy, 25 tháng 8”³².

Trong thời khắc quyết liệt nhất, ngọn cờ đại nghĩa của Đảng và Mặt trận Việt Minh đã quy tụ được toàn bộ sức mạnh dân tộc để “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Những dã tâm của thực dân Pháp, dù rất ngoan cố và xảo quyệt cũng đã bị khối đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đánh bại hoàn toàn. Đó chính là một góc nhìn mới để thấy rõ hơn tầm vóc và ý nghĩa của cuộc cách mạng mùa Thu năm 1945 của dân tộc Việt Nam.

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 7, tr. 364-373

2. Do Hội nghị họp ngay trong lúc cuộc đảo chính Nhật - Pháp còn chưa kết thúc, ở một vài nơi quân Pháp vẫn còn kháng cự. Sư đoàn quân Pháp do Tướng Marcel Alessandri và Tướng Gabriel Sabattier gồm khoảng trên dưới 6.000 quân đang tìm đường ngược sông Đà trốn lên Tây Bắc. Vì vậy bản Chi thị mới có điểm về “bọn Pháp kháng chiến”. Tuy nhiên, chỉ vài ngày sau đó thì trên toàn cõi Đông Dương đã không còn lực lượng “Pháp

kháng chiến” nào nữa. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, T. 7, *Sđd*, tr. 366

3. Điều đáng chú ý là vào thời điểm đó chính phủ Trần Trọng Kim chưa ra đời. Tuy nhiên, Thường vụ Trung ương Đảng đã dự đoán trước khả năng, rằng Nhật sẽ dựng ra chính phủ bù nhìn và trù liệu quyết sách chống lại. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, T.7, *Sđd*, tr. 367

4. Lời văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong “Tuyên ngôn độc lập”. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG-ST, H, 2011, T. 4, tr. 3

5, 6, 30, 31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 7, tr. 413-414, 421, 427, 566-567

7. “Hiệu triệu của đại biểu Việt Minh (đọc trước 20 vạn đồng bào Hà Nội, ngày 19-8-1945)”, in trong: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, T.7, *Sđd*, tr. 566-568

8. Trần Quang Huy: “Hà Nội trong rạng đông kỷ nguyên Hồ Chí Minh”, in trong: Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *19-8 Cách mạng là sáng tạo*, H, 1995, tr. 35

9. Hai cán bộ được cử đi gặp chỉ huy quân đội Nhật là Trần Đình Long và Lê Trọng Nghĩa. Xem: Lê Trọng Nghĩa: “Các ủy ban nhân dân cách mạng ra mắt ở Hà Nội sau khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám”, in trong: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: *19-8-Cách mạng là sáng tạo*, *Sđd*, tr. 87-90; Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, University of California, Berkeley, 1995, tr. 89-94

10. Tønnesson, Stein: *The Vietnamese Revolution of 1945: Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at War*, International Peace Research Institute, Oslo, 1991, tr. 387; Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, University of California, Berkeley, 1995, tr. 458

11, 17, 24, 25. Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, *Sđd*, tr. 62-67, 481-482, 488, 489

12. Xem: Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, *Sđd*, tr. 477-478

13. Pierre Messmer (1916-2007) về sau trở thành Bộ trưởng Bộ các lực lượng vũ trang Pháp (1960-1969) và Thủ tướng Cộng hòa Pháp (1972-1974). Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, *Sđd*, tr. 480

14. Sau này, Jean Cédile trở thành cố vấn chính trị của D’Argenlieu, ra sức giúp sức cho cuộc tái chiếm thuộc địa của

người Pháp và chia tách Nam Kỳ khỏi Việt Nam. Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, *Sđd*, tr. 481

15. Khám xét nhóm đặc vụ này quân cách mạng tìm thấy một số giấy tờ, trong đó có danh sách những người cần liên lạc, như Phạm Quỳnh. Đó có lẽ là lý do trực tiếp dẫn đến bản án tử hình của Tòa án quân sự tỉnh Nguyễn Tri Phương (Thừa Thiên - Huế) đối với Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Huân - nhóm người này bị bắt trong ngày 23-8 và (hoàn toàn tình cờ) cũng bị đưa đi giam giữ ở Hiền Sĩ. Xem: Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, *Sđd*, tr. 481; Phan Hàm: “Những ngày giành chính quyền ở Huế”, in trong: Nhiều tác giả: *Trường Thanh niên tiền tuyến Huế - 1945 - “một hiện tượng lịch sử”*, Nxb Công an nhân dân, H, 2008, tr. 125

16. Xem: Võ Quang Hồ: “Ra biển, dụ và bắt sĩ quan Pháp đổ bộ lên bãi biển Thuận An”, in trong: Nhiều tác giả: *Trường Thanh niên tiền tuyến Huế - 1945 - “một hiện tượng lịch sử”*, *Sđd*, tr. 242-244

18, 21. Patti, Archimedes L.A.: *Why Vietnam - Tại sao Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, 2000, tr. 271-276, 293

19. Theo David G. Marr, lý do trì hoãn không cho máy bay từ Côn Minh đi Hà Nội cất cánh không phải do thời tiết xấu mà là do Đại tướng Douglas MacArthur đã ra lệnh cho toàn bộ quân Mỹ: phải chờ đến khi chắc chắn các đơn vị quân Nhật đã nhận được lệnh ngừng bắn thì mới được cho lực lượng Mỹ cơ động đến tiếp quản, giải giáp họ. Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, *Sđd*, tr. 479

20. Sainteny, Jean: *Histoire d'une paix manquée: Indochine 1945-1947*, Fayard Book Co., Paris, 1953, tr. 74-79, 80-81. Dẫn lại theo: Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, *Sđd*, tr. 482-484

22, 23. Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, *Sđd*, tr. 484; Patti, Archimedes L.A., *Why Vietnam - Tại sao Việt Nam*, *Sđd*, tr. 293-315, 341-345

26. *Hung Việt*, số 20, ra ngày 23-8-1945. Dịch và đăng theo nguồn của API

27, 28. *Hung Việt*, số 19, ra ngày 22-8-1945

29. *Hung Việt*, số 18, ra ngày 21-8-1945

32. *Hung Việt*, số 22, ra ngày 24-8-1945.